Người ký: Ủy ban Nhân dân thành phố Phú Quốc
SAO Y Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 15.03.2023 15:19:57 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 151 /BC-UBND	*Phú Quốc, ngày 15 tháng 3 năm 2023*

BÁO CÁO
Công tác Cải cách hành chính quý I năm 2023 và chương trình trọng tâm quý II năm 2023

Thực hiện kế hoạch công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2023 của UBND thành phố. UBND thành phố báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC quý I tại thành phố cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Các hoạt động chỉ đạo điều hành: để thực hiện tốt công tác CCHC năm 2023, UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 781/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 về công tác CCHC năm 2023 và Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 08 tháng 03 năm 2023 về điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch số 781/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 về công tác CCHC năm 2023. Đây là cơ sở cho các cơ quan, đơn vị, các xã, phường căn cứ kế hoạch của thành phố ban hành kế hoạch công tác CCHC năm và công tác thi đua chuyên đề CCHC phù hợp với tình hình hoạt động và tổ chức triển khai, thực hiện tại đơn vị. UBND thành phố dự kiến tổ chức hội nghị giao ban công tác CCHC vào cuối tháng 3/2023 để triển khai các nội dung trọng tâm trong năm, báo cáo kết quả đạt được và đề ra hướng xử lý các vấn đề còn tồn tại, hạn chế. Đồng thời để kịp thời khen thưởng biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích thực hiện tốt nhiệm vụ CCHC trong năm, UBND thành ban hành Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2023 về phát động phong trào thi đua CCHC năm 2013 trên địa bàn thành phố Phú Quốc để các tổ chức, cá nhân phấn đấu.

2. Tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC năm: đã thực hiện được 26/61 nhiệm vụ đề ra trong năm đạt tỷ lệ 43%.

3. Công tác kiểm tra CCHC: UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc kiểm tra công tác CCHC năm 2023 tại 04 cơ quan chuyên môn và 04 xã dự kiến sẽ tiến hành kiểm tra vào quí III. Mục đích của kiểm tra nhằm đánh giá đúng thực trạng tình hình công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác CCHC. Kịp thời nắm tình hình và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao hiệu quả CCHC của thành phố, tạo chuyển biến mạnh mẽ về kỷ luật, kỷ cương, trách nhiệm phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC.

4. Công tác tuyên truyền CCHC: để công tác tuyên truyền được thường xuyên và đạt hiệu quả cao, UBND thành phố đã xây dựng Kế hoạch số 140/KH-

UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC năm 2023. Theo kế hoạch trong năm thành phố sẽ thực hiện 05 hình thức tuyên truyền. Đồng Thời thường xuyên triển khai các văn bản của cấp trên về công tác CCHC bằng nhiều hình thức như: Sao gửi, tuyên truyền qua các phương tiện thông tin đại chúng, lồng ghép trong các chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật, qua các cuộc họp tổ nhân dân tự quản ở địa phương. Qua đó đã tạo được sự chuyển biến cơ bản về nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân để cùng tham gia thực hiện tốt công tác CCHC, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, công chức, viên chức cải tiến lề lối làm việc, phân định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, tập thể.

5. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao: tổng số nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao là 20 nhiệm vụ (năm trước chuyển sang 13 nhiệm vụ, 07 nhiệm vụ mới). Giải quyết được 09 nhiệm vụ (01 nhiệm vụ đúng hạn, 08 nhiệm vụ trễ hạn). Số nhiệm vụ đang giải quyết là 11 nhiệm vụ (quá hạn 06 nhiệm vụ).

6. Những mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng và triển khai có hiệu quả:chưa có mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC được thí điểm, nhân rộng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật: trong quý I, HĐND, UBND thành phố chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 27 tháng 02 năm 2023 về thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023.

c) Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2023 về về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

d) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (Số lượng văn bản đã được kiểm tra, rà soát; tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát; kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật): UBND thành phố ban hành Kế hoạch số 715/KH-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 về kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023. Trong quý I, chưa có văn bản có dấu hiệu phải được kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm phám luật.

đ) Căn cứ các kế hoạch liên quan đến nội dung cải cách thể chế do UBND thành phố ban hành nêu trên, các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường tổ chức, triển khai thực hiện đạt hiệu quả, đồng thời cụ thể hóa phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị và địa phương.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính: công tác rà soát đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính luôn được UBND thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên, đạt nhiều kết quả tích cực, được nhân dân và doanh nghiệp đồng tình ủng hộ, công tác thủ tục hành chính từng bước được thực hiện nhanh chóng, giảm bớt rườm rà, phức tạp tạo được bước chuyển mới trong công tác cải cách hành chính của thành phố.

b) Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố là 15 ngành gồm có: 271 thủ tục thuộc 49 lĩnh vực, cụ thể:

- Ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: 05 lĩnh vực, 16 thủ tục;

- Ngành Giáo dục và Đào tạo: 06 lĩnh vực, 38 thủ tục thuộc;

- Ngành Xây dựng: 03 lĩnh vực, 12 thủ tục;

- Ngành Tài nguyên và Môi trường: 03 lĩnh vực, 21 thủ tục;

- Ngành Y tế: 02 lĩnh vực, 02 thủ tục;

- Ngành Công thương: 03 lĩnh vực, 13 thủ tục;

- Ngành Thông tin và Truyền thông: 02 lĩnh vực,06 thủ tục;

- Ngành Văn hóa và Thể thao: 03 lĩnh vực, 20 thủ tục;

- Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội: 08 lĩnh vực, 29 thủ tục;

- Ngành Nội vụ: 04 lĩnh vực, 27 thủ tục;

- Ngành Giao thông vận tải: 01 lĩnh vực, 13 thủ tục;

- Ngành Tài chính: 01 lĩnh vực, 13 thủ tục;

- Ngành Thanh tra: 02 lĩnh vực, 09 thủ tục;

- Ngành Tư pháp: 04 lĩnh vực, 31 thủ tục;

- Ngành Kế hoạch và Đầu tư: 02 lĩnh vực, 21 thủ tục.

- Thực hiện Quyết định 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ, các thủ tục hành chính ngành dọc đóng tại địa phương được tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố như: lĩnh vực Cấp, quản lý thẻ căn cước công dân: (06 thủ tục), cấp tài khoản định danh điện tử và lĩnh vực Quản lý ngành nghề có điều kiện (01 thủ tục).

c) Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các xã, phường là 10 ngành gồm có: 152 thủ tục thuộc 29 lĩnh vực, cụ thể:

- Ngành Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: 05 lĩnh vực, 09 thủ tục;

- Ngành Giáo dục và Đào tạo: 01 lĩnh vực, 05 thủ tục thuộc;

- Ngành Tài nguyên và Môi trường: 02 lĩnh vực, 02 thủ tục;

- Ngành Y tế: 01 lĩnh vực, 03 thủ tục;

- Ngành Văn hóa và Thể thao: 03 lĩnh vực, 07 thủ tục;

- Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội: 06 lĩnh vực, 48 thủ tục;

- Ngành Nội vụ: 02 lĩnh vực, 15 thủ tục;

- Ngành Giao thông vận tải: 01 lĩnh vực, 09 thủ tục;

- Ngành Thanh tra: 02 lĩnh vực, 08 thủ tục;

- Ngành Tư pháp: 06 lĩnh vực, 45 thủ tục;

- Thực hiện Quyết định 1291/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, các thủ TTHC ngành dọc đóng tại địa phương được tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND các xã, phường như: Lĩnh vực Động viên quân đội (02 thủ tục), lĩnh vực Bảo hiểm xã hội (01 thủ tục), lĩnh vực dân quân tự vệ (02 thủ tục), lĩnh vực nghĩa vụ quân sự (07 thủ tục), lĩnh vực Chính sách (02 thủ tục).

c) Bên cạnh đó còn có các thủ tục cấp huyện được tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND các xã, phường như ngành Tài nguyên và Môi trường (lĩnh vực Đất đai), ngành Lao động, Thương binh và xã hội (lĩnh vực Người có công, lĩnh vực Việc làm, lĩnh vực Trẻ em), ngành Tư pháp.

d) Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

- Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả:

+ Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Chính Phủ, Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc đã trang bị các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động tại Bộ phận Một cửa như: ghế ngồi chờ, bàn để viết, máy tính có kết nối mạng, camera giám sát, tivi theo dõi số thứ tự, nước uống, điện thoại tiếp nhận thông tin. Bố trí khu vực đặt các trang thiết bị: máy lấy số xếp hàng tự động, các màn hình cảm ứng phục vụ tổ chức, cá nhân tra cứu thông tin, thủ tục hành chính (TTHC) và các bảng niêm yết dễ dàng tiếp cận và trực quan. Ngoài ra, Bộ phận Một cửa còn trang bị 02 máy tính hỗ trợ, hướng dẫn người dân thực hiện hồ sơ trực tuyến, có bố trí nhân viên hỗ trợ, hướng dẫn.

+ Việc bố trí trang thiết bị đầy đủ và hiện đại giúp người dân thực hiện TTHC dễ dàng và nhanh chóng, tạo sự hài lòng cho người dân. Quý I năm 2023, kết quả khảo sát thăm dò ý kiến người dân khi thực hiện TTHC về tiêu chí cơ sở vật chất đánh giá tốt đạt tỷ lệ 100%, tiêu chí công khai minh bạch rõ ràng TTHC đạt 96%.

+ Diện tích Bộ phận Một cửa thành phố rộng, thông thoáng, được cải tạo, sửa chữa mới tháng 8/2021 (diện tích 353m2), được người dân đánh giá hài lòng khi đến thực hiện TTHC.

+ Thực hiện Công văn số 712/VP-NC ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc thí điểm chọn Bưu điện tỉnh Kiên Giang thực hiện một số công việc liên quan đến giải quyết thủ tục hành chính. UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 565/KH-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua Dịch vụ Bưu chính công ích. Tổng cộng có 172 TTHC đăng ký thực

hiện dịch vụ Bưu chính công ích (Trong đó: 85 TTHC trả kết quả, 42 TTHC tiếp nhận và trả kết quả). Sau khi các TTHC trên được chuyển giao đảm bảo đạt kết quả, UBND thành phố sẽ tiếp tục rà soát và tiếp tục triển khai các TTHC còn lại. Hiện nay, Bưu điện thành phố đã cử 01 nhân sự đến làm việc tạo Bộ phận Một cửa, dự kiến hết quý 1/2023 sẽ cử thêm 01 nhân sự. Do thời gian đầu nhận chuyển giao, vừa học việc, nên tại Bộ phận Một cửa vẫn còn cử người hỗ trợ nhân viên Bưu điện tiếp nhận hồ sơ, để tránh sai sót và phiền hà công dân.

+ Hiện nay, nhân sự của Bộ phận Một cửa tiếp nhận hồ sơ gồm 08 người, gồm: Công an thành phố; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố; Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố; Bưu điện và Văn phòng HĐND và UBND thành phố. Trình độ chuyên môn: 05 đại học, 03 cao đẳng.

+ Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ý thức tổ chức kỷ luật của đội ngũ công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao, có thái độ đúng mực khi giao tiếp trong thi hành nhiệm vụ, chưa phát hiện thái độ quan liêu, hách dịch hoặc nhũng nhiễu đối với cá nhân, tổ chức đến giao dịch công việc.

+ Định kỳ hàng tháng, Bộ phận Một cửa tổ chức họp để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc hoặc chấn chỉnh lề lối làm việc, văn hoá ứng xử, tinh thần thái độ phục vụ nhân dân hoặc các trường hợp tiếp nhận, xử lý tình huống không hiệu quả, gây phiền hà cho công dân.

- Kết quả giải quyết hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Kiên Giang, cụ thể:

+ Số hồ sơ thuộc thẩm quyền UBND thành phố (tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố): tiếp nhận mới 1.712 hồ sơ, số kỳ trước chuyển sang là 295 hồ sơ. Giải quyết 1.237 hồ sơ (đúng hạn 1.211 hồ sơ, trễ hạn 26 hồ sơ), 73 hồ sơ dừng xử lý và người dân rút. Tồn 697 hồ sơ (chưa đến hạn 679 hồ sơ, quá hạn 18 hồ sơ). Tỷ lệ đúng hẹn đạt: 98%.

+ Số hồ sơ ngành dọc và cấp tỉnh (tiếp nhận tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố) tiếp nhận mới 6.299 hồ sơ, số kỳ trước chuyển sang là 226 hồ sơ. Giải quyết 5.689 hồ sơ (đúng hạn 5.679hồ sơ, trễ hạn 10 hồ sơ). Tồn 610 hồ sơ (chưa đến hạn 597 hồ sơ, quá hạn 13 hồ sơ). Tỷ lệ đúng hẹn đạt: 99,63%.

+ Số hồ sơ cấp xã được tiếp nhận tại các Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả xã, phường trong quý là 2.519 hồ sơ (kỳ trước chuyển sang là 94 hồ sơ, tiếp nhận mới 2.425 hồ sơ). Giải quyết 2.339 hồ sơ (đúng hạn 2.190 hồ sơ, quá hạn 149 hồ sơ). Tồn 139 hồ sơ (còn trong hạn 114 hồ sơ, quá hạn 25 hồ sơ).

+ Trong đó, tiếp nhận được 23 hồ sơ trực tuyến, số lượng hồ sơ tiếp nhận có giảm so với kỳ liền kề, do bắt đầu từ năm 2023 hồ sơ tiếp nhận trên Hệ thống mới nên việc tiếp cận với giao diện mới chưa được thuận lợi, số lượng người đến làm hồ sơ được hướng dẫn thực hiện trực tuyến đa phần sim điện thoại chưa đăng ký chính chủ.

+ Thực hiện hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC được tổ chức bằng các hình thức: thông báo bằng văn bản niêm yết tại Bộ phận Một cửa, Cổng thông tin điện tử thành phố; kênh zalo của thành phố; hướng dẫn trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hướng dẫn qua đường dây nóng của đơn vị công bố, thông báo số điện thoại: 0297.3848.352; hoặc qua tiếp nhận email của đơn vị, sau đó có văn bản phản hồi, trả lời người dân.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: quý I năm 2023, tiếp nhận 03 phản ánh, kiến nghị. Cả 03 trường hợp UBND thành phố đang kiểm tra, giải quyết.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Công tác công khai địa chỉ và thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố thực hiện tốt, đầy đủ và đúng quy định. Có bố trí thùng thư góp ý và phát phiếu thăm dò ý kiến khách hàng để nhận các ý kiến góp ý của người dân chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết và qua đó cũng đánh giá sự hài lòng của người dân trong việc giải quyết thủ tục hành chính và công khai thủ tục hành chính. Kết quả trong quý I nhận được 22 phiếu đánh giá. Tỷ lệ hài lòng đạt 95% (Báo cáo số 19/BC-VP ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Văn phòng HĐND và UBND thành phố).

3. Cải cách tổ chức bộ máy: UBND thành phố thường xuyên thực hiện việc rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố nhằm đảm bảo đúng với các quy định hiện hành. Đang xử lý các vấn đề có liên quan để tiến hành giải thể Trung tâm tư vấn dịch vụ xây dựng. Thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức tại các cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố. Việc thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền được UBND thành phố quan tâm chỉ đạo thực hiện đúng theo phân cấp quản lý hiện hành.

4. Cải cách chế độ công vụ: hiện nay, đề án vị trí việc làm của các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện. Đang dự thảo kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2023. Bổ nhiệm 21 trường hợp (trong đó công chức bổ nhiệm mới 01, bổ nhiệm lại 01; viên chức bổ nhiệm mới 08, bổ nhiệm lại 11). Cán bộ, công chức, viên chức đều chấp hành tốt nội quy, quy chế và kỷ cương hành chính, không có trường hợp nào bị xử lý kỷ luật. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức luôn được quan tâm và thực hiện thường xuyên theo kế hoạch đề ra. Việc ban hành các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan chuyên môn và các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND thành phố thực hiện theo các văn bản do UBND tỉnh ban hành.

5. Cải cách tài chính công

a) Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách:

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh giao: thu ngân sách nhà nước ước quý 1 năm 2023, là **2.333,624** tỷ đồng, đạt **40,37%** dự toán thu trên địa bàn, đạt **161,50%** so cùng kỳ. Thu phân cấp thành phố quản lý ước quý 1 năm 2023, là **1.260,098** tỷ đồng, đạt **318,21%** dự toán thành phố quản lý, đạt **161,36%** so cùng kỳ. Thu do Cục thuế quản lý ước quý 1 năm 2023, là **1.073,526** tỷ đồng, đạt **31,15%** so dự toán, đạt **131,01%** so cùng kỳ.

- Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: quý 1 năm 2023 trên địa bàn thành phố Phú Quốc được UBND tỉnh giao *(có phụ lục a kèm theo).*

- Nguồn Chi xây dựng cơ bản vốn ngân sách thành phố (ghi thu ghi chi tiền SD đất **200** tỷ đồng): ước quý 1 năm 2023: **328,527** tỷ đồng.

- Nguồn vốn được phép kéo dài từ năm 2022 sang năm 2023: nguồn vốn Trung ương và tỉnh (chuyển nguồn tạm ứng), thực hiện ước quý 1 năm 2023: **7,776 tỷ đồng;** Nguồn vốn NS thành phố Chi XDCB (chuyển nguồn tạm ứng tiền sử dụng đất), ước thực hiện quý 1 năm 2023: **224,575 tỷ đồng.**

- Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: tiếp tục thực hiện Thông báo kết luận số 680/TB-KV V ngày 31 tháng 12 năm 2020 của kiểm toán Nhà nước Khu vực V về việc thông báo kết quả kiểm toán tại UBND huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (theo báo cáo số 368/BC-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2021 của UBND thành phố Phú Quốc về kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước); thực hiện Kết luận Thanh tra số 1350/KL-TTr ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Bộ Tài chính về công tác quản lý NSNN năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang: KBNN Phú Quốc đã thực hiện kiến nghị của Thanh tra BTC theo CV số 401/STC-QLNS ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Sở Tài chính đề nghị Kho bạc nhà nước Kiên Giang phối hợp chỉ đạo thực hiện điều chỉnh số thu tiền sử dụng đất tái định cư trên địa bàn thành phố Phú Quốc (Tờ trình số 20/TTr-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2023 của UBND thành phố Phú Quốc).

b) Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: thực hiện tốt về các quy định quản lý, sử dụng tài sản công đúng theo các văn bản quy định. Đầu năm 2023 các đơn vị hành chính (12/12 đơn vị); Đảng, đoàn thể (6/6 đơn vị); các đơn vị sự nghiệp (44/44 đơn vị: 12 đơn vị sự nghiệp và 32 điểm trường); các xã, phường thị thị trấn 7 xã, 2 phường) đều xây dựng quy chế quản lý và sử dụng tài sản công (theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị; Nghị quyết số 172/2018/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang).

Bên cạnh đó, UBND thành phố Phú Quốc ban hành Công văn số 131/UBND-KT ngày 08 tháng 02 năm 2023 yêu cầu các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp thành phố, UBND các xã phường thực hiện công tác báo cáo tình

hình quản lý sử dụng tài sản năm 2022, kết quả thực hiện cụ thể *(có phụ lục b kèm theo).*

c) Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (BC kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính Phủ): đến nay địa phương đã triển khai đế các cơ quan, đơn vị và kết quả thực hiện tại các cơ quan, đơn vị đạt 100%.

d) Thực hiện công khai tài chính, công khai thu, chi ngân sách (đối với ngân sách cấp thành phố và cấp xã, phường) theo quy định: đã thực hiện công khai phân bổ dự toán thu, chi ngân sách cấp thành phố và cấp xã, phường năm 2023 đúng theo quy định; Công khai về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách cấp thành phố và cấp xã, phường ước quý 1/2023 (chưa đến thời gian thực hiện).

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số

a) Tham mưu UBND thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số thành phố Phú Quốc giai đoạn 2022 - 2025 và định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch thực hiện Chuyển đổi số năm 2023; ban hành Quyết định kiện toàn BCĐ và Tổ công tác giúp việc BCĐ chuyển đổi số thành phố Phú Quốc; Quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra Chuyển đổi số; Chỉ đạo Đoàn kiểm tra Chuyển đổi số xây dựng Kế hoạch kiểm tra chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Phú Quốc năm 2023; rà soát, thống kê chữ ký số đã cấp, đề nghị cấp mới để thực hiện chính quyền số tại thành phố Phú Quốc.

b) Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc: tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử; thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm quản lý văn bản đạt 100%. Văn bản đi của UBND thành phố được số hóa, sử dụng ký số và phát hành đến các cơ quan đơn vị trên môi trường điện tử. Kết quả xử lý văn bản trên phần mềm: số văn bản được ban hành gửi đi 2.494, Văn bản đến 3.047, luân chuyển xử lý 3.047, chỉ đạo xử lý của lãnh đạo 3.047 Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy chiếm từ 2% đến 3% so với tổng số văn bản được phát hành (Văn bản được gởi kèm văn bản giấy là văn bản có tính chất chứng thư pháp lý và Văn bản Quy phạm pháp luật; Hồ sơ trình, kiến nghị, phiếu chuyển; Các văn bản có liên quan đến sử dụng tài sản công, ngân sách nhà nước sẽ đồng thời phát hành văn bản giấy để làm căn cứ).

c) Cổng dịch vụ công và Hệ thống Một cửa điện tử:

- Dịch vụ công trực tuyến: Tổng số thủ tục hành chính cấp huyện được cấu hình trên hệ thống Một cửa điện tử 152 thủ tục hành chính mức độ 4, 30 thủ tục hành chính mức độ 3, 72 thủ tục hành chính mức độ 2, còn lại là mức độ 1. Tổng số thủ tục hành chính cấp xã được cấu hình trên hệ thống Một cửa điện tử 56 thủ tục hành chính mức độ 4, 30 thủ tục hành chính mức độ 3, 148 thủ tục hành chính mức độ 2, còn lại là mức độ 1.

- Kết quả triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ TTHC trên phần mềm Một cửa điện tử: tất cả thủ tục hành chính đều được tiếp nhận hồ sơ qua Cổng dịch vụ công tỉnh Kiên Giang. Các lĩnh vực đều thực hiện giải quyết qua hệ thống.

Tuy nhiên, chỉ còn lĩnh vực đất đai hồ sơ chỉ tiếp nhận trên hệ thống, chưa xử lý trên hệ thống.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến: thực hiện đầy đủ theo quy định. Hiện nay, người dân tiếp cận chủ yếu ở lĩnh vực cấp giấy phép kinh doanh.

- Việc tuyên truyền, hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến và sử dụng Bưu chính công ích: niêm yết thông báo tại các Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả. Có bố trí quầy hướng dẫn và hỗ trợ việc nộp hồ sơ trực tuyến tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố.

d) Hệ thống cổng thông tin điện tử: phuquoc.gov.vn:

- Cổng thông tin điện tử thành phố Phú Quốc xây dựng đầy đủ các chuyên mục yêu cầu như: chính quyền, Đầu tư phát triển, Dịch vụ công, Du lịch và Giới thiệu chung về Phú Quốc. Nội dung các chuyên mục thường xuyên được cập nhật thông tin kịp thời, đầy đủ, dễ tiếp cận và tra cứu.

- Công khai minh bạch đầy đủ các thông tin về quy hoạch, xây dựng, kế hoạch sử dụng đất, giá đất, các danh mục kêu gọi đầu tư và các TTHC (TTHC cấp huyện và cấp xã có chuyên mục và công bố đầy đủ các quyết định được ban hành mới).

- Công khai các quy hoạch, đề án, dự án và đấu thầu theo quy định tại Nghị định 43/NĐ-CP của Chính phủ đầy đủ, các Thông báo tuyển dụng, Thông báo niêm yết giá, các phản ánh kiến nghị được đăng tải đầy đủ, có chuyên mục riêng. Trên cổng thông tin điện tử có tích hợp Phản ánh kiến nghị đến Chính phủ. Kết quả trả lời được đăng tải, thông báo công khai.

- Kết quả hoạt đồng Ban Biên tập: Tổng số cập nhật là 85 văn bản. Viết và cập nhật 130 tin bài. Lượt truy cập vào Cổng thông tin điện tử thành phố quý I/2023 là 315 lượt.

- Việc tuyên truyền hoạt động của Cổng thông tin điện tử: niêm yết địa chỉ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thành phố. Hướng dẫn công truy cập Cổng thông tin điện tử về việc tra cứu kết quả hồ sơ, tìm hiểu về thủ tục hành chính khi người dân đến làm thủ tục hành chính.

*** Việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015**: UBND thành phố ban hành kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2023 về việc duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước tại thành phố Phú Quốc năm 2023.

III. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NÂNG CAO CÁC CHỈ SỐ PAPI, PCI, PAX INDEX, SIPAS

1. Tình hình triển khai kế hoạch văn bản của cấp trên: Căn cứ Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về Cải thiện và nâng cao các chỉ số: Năng lực cạnh tranh (PCI), cải cách hành chính (PAX INDEX), sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và hiệu quả quản trị và hành

chính công (PAPI) của tỉnh Kiên Giang. Ủy ban nhân dân thành phố lồng ghép vào cuộc họp thành viên Ủy ban mở rộng đã triển khai kế hoạch, đồng thời Văn phòng HĐND và UBND thành phố cũng đã sao gửi đến các cơ quan, đơn vị và yêu cầu triển khai tại đơn vị mình.

2. Việc thực hiện kế hoạch: Căn cứ kế hoạch của UBND tỉnh ban hành, Ủy ban nhân dân thành Phú Quốc đã xây dựng và ban hành Kế hoạch số 572/KH-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 về Cải thiện và nâng cao các chỉ số: Năng lực cạnh tranh (PCI), cải cách hành chính (PAX INDEX), sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của thành phố Phú Quốc để quán triệt, triển khai và tại địa phương nhằm cụ thể hóa cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để triển khai đạt hiệu quả.

3. Kết quả thực hiện theo kế hoạch: Căn cứ Kế hoạch số 572/KH-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 về Cải thiện và nâng cao các chỉ số: Năng lực cạnh tranh (PCI), cải cách hành chính (PAX INDEX), sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) của thành phố Phú Quốc, các cơ quan, đơn vị và các xã, phường đã xây dựng kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện. Nhìn chung các cơ quan, đơn vị, các xã, phường đã triển khai thực hiện tốt các nội dung theo yêu cầu. Các cơ quan, đơn vị, các xã, phường đều thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, hoạt động có hiệu quả trên các lĩnh vực nhằm nâng cao các chỉ số PAPI, PCI, PAX INDEX, SIPAS.

IV. VIỆC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN TRIỂN KHAI "TUYÊN BỐ ASEAN VỀ VAI TRÒ CỦA NỀN CÔNG VỤ LÀM CHẤT XÚC TÁC TRONG VIỆC ĐẠT ĐƯỢC TẦM NHÌN CỘNG ĐỒNG ASEAN 2025"

1. Tình hình triển khai kế hoạch văn bản của cấp trên: căn cứ Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang thực hiện Đề án triển khai "Tuyên bố ASEAN về vai trò của nền công vụ làm chất xúc tác trong việc đạt được Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025". UBND thành phố lồng ghép vào cuộc họp của UBND thành phố triển khai kế hoạch đến thủ trưởng các cơ quan chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch UBND các xã, phường nắm thông tin và thực hiện.

2. Việc thực hiện kế hoạch: căn cứ Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, UBND UBND thành phố có Công văn số 106/UBND-NV ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Kiên Giang yêu cầu Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị triển khai quán triệt đến từng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị mình và tổ chức thực hiện tại địa phương.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

a) UBND thành phố chủ động xây dựng nhiều kế hoạch và tổ chức triển khai kịp thời đạt được nhiều kết quả tích cực.

b) Nhận thức, tinh thần trách nhiệm và ý của đội ngũ công chức, viên chức có nhiều chuyển biến tích cực, hiệu quả trong giải quyết TTHC.

c) Việc triển khai thực hiện đổi mới phương thức làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giữa xã, phường và thành phố đã góp phần vào thực hiện mục tiêu hiện đại hóa nền hành chính đã đạt nhiều kết quả đáng kể.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

a) TTHC tuy có được kiểm soát, cập nhật, cải tiến, nhưng trên thực tế việc kiến nghị cấp trên điều chỉnh, bãi bỏ văn bản không còn hiệu lực pháp luật còn chậm. Cán bộ, công chức làm nhiệm vụ kiểm soát TTHC đa số là kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi, nhất là đối với cấp xã nên việc theo dõi không được liên tục và thường xuyên.

b) Kết quả giải quyết hồ sơ có nhiều tiến bộ, tuy nhiên do tính chất phức tạp của đất đai Phú Quốc nên số lượng hồ sơ lĩnh vực đất đai còn tồn đọng nhiều và còn chậm so với quy trình chuẩn ISO; chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả làm bức xúc trong nhân dân.

c) Công tác ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục cho công dân được áp dụng nhưng hiệu quả chưa cao, cụ thể là việc giải quyết hồ sơ trên hệ thống Một cửa điện tử còn trễ hạn, tồn động.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM

Phát huy kết quả đã đạt được trong CCHC thời gian qua, để thực hiện tốt chương trình tổng thể CCHC của Chính phủ, chương trình CCHC của tỉnh Kiên Giang. Trong quý II năm 2023, UBND thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ như sau:

1. Công tác chỉ đạo điều hành: chủ động thực hiện các kế hoạch đề ra trong năm để đạt hiệu quả cao nhất. Công bố xếp hạng CCHC đối với UBND các xã, phường.

- Công tác thông tin tuyên truyền: tổ chức tuyên truyền tin, bài liên quan đến công tác CCHC trên hệ thống Truyền thanh truyền hình, cổng thông tin điện tử thành phố và các khẩu hiệu tuyên tuyền về cải cách hành chính trên bảng điện tử tại UBND các xã phường;

2. Cải cách thể chế: đẩy mạnh công tác kiểm tra, xử lý VBQPPL, hướng dẫn, theo dõi các xã, phường thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra và xử lý VBQPPL trên địa bàn thành phố.

3. Cải cách thủ tục hành chính: tập trung rà soát các văn bản, đặc biệt trong lĩnh vực giải quyết TTHC cho dân, để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những văn bản không phù hợp cho dân khi đến liên hệ công việc; Rà soát, cắt

giảm, đơn giản hóa TTHC về thời gian; Tiếp tục thực hiện tốt công khai minh bạch các TTHC, biểu mẫu, lệ phí, thời gian giải quyết cho từng công việc; Thường xuyên cập nhật đầy đủ số lượng TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị, địa phương; Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

4. Cải cách tổ chức, bộ máy: tiếp tục thực hiện tốt các nội dung phân cấp quản lý các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và các xã, phường trên địa bàn thành phố. Thực hiện công tác điều động, bổ nhiệm theo yêu cầu nhiệm vụ. Xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác.

5. Cải cách công vụ: tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và tinh giản biên chế đã đề ra trong năm.

6. Cải cách tài chính công

a) Tiếp tục thực hiện tốt Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tiếp tục thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính sự nghiệp theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, Chính quyền số: đoàn kiểm tra Chuyển đổi số tổ chức kiểm tra chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Phú Quốc năm 2023; Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

Trên đây là Báo cáo công tác CCHC quí I năm 2023 và chương trình công tác CCHC quí II năm 2023 của UBND thành phố Phú Quốc./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ tỉnh KG;
- TT. Thành ủy;
- CT, các PCT. UBND TP;
- Phòng Nội vụ;
- LĐVP + đ/c Thu Thảo;
- Các Cơ quan chuyên môn;
- Các đơn vị sự nghiệp;
- UBND xã, phường;
- Lưu: VT, pnv (03b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC T. KIÊN GIANG

Phạm Văn Nghiệp

Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I

(Kèm theo Báo cáo số 154/BC-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 1

Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)		5	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		43	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch		61	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành		26	
3	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc đã kiểm tra		0	
3.2	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra		0	
3.2.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra		0	
3.2.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong		0	
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy			
4.1	Số cơ quan, đơn vị, địa phương được thanh tra		0	
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra		0	
5	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND giao			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao		20	
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn		1	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn		8	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành		11	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
6.1	Số lượng phiếu khảo sát		23	
6.2	Hình thức khảo sát		1	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp		0	

Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 2

Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành		0	
1.1	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành		0	
1.2	Số VBQPPL do cấp xã ban hành		0	
2	Kiểm tra. xử lý VBQPPL		0	
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra		0	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra		0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra		0	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong		0	
3	Rà soát VBQPPL		0	
3.1	Số VBQPPL đã rà soát		0	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát		0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát		0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong		0	

Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 3

Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Thống kê TTHC			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa			
1.2	Số TTHC công bố mới			
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế			
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết		445	
1.4.1	Số TTHC cấp huyện (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)		279	
1.4.2	Số TTHC cấp xã (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)		166	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp		21	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền		11	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính		1	
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND các huyện, thành phố tiếp nhận được giải quyết đúng hạn		98	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong		1.237	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn		1.211	
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn		96	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong		2.339	
3.2.2	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn		2.190	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC		0	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)		3	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong		0	

Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 4

Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1	Tỷ lệ UBND các huyện, thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ		100	
1.3	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp huyện		2	
1.4	Số lượng tổ chức liên ngành do cấp huện thành lập		4	
1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trên địa bàn			
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND các huyện, thành phố		45	
1.5.2	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015		1	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm		104	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo		98	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính		32	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo		0	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015		8	
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1	Tổng số người làm việc được giao		1.312	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo		1.157	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo		0	
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015		0	

Phụ lục 8

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 5

Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức		37	
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định		12	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định		35	
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra		0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức		3	
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)		0	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.		0	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên		3	
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).		0	
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.		0	
3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)		0	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).		0	
4.1	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.		0	
4.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.		0	
4.3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSNCL bị kỷ luật.		0	

Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Biểu mẫu 6:

Cải cách tài chính công

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo quý 1/2023)*	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp Huyện, thành phố)	Số liệu (cấp tỉnh)	
1.	**Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công**	%	7,86		
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	625.641		
1.2.	Đã thực hiện (ước thực hiện quý 1 năm 2023)	Triệu đồng	49.185		
2.	**Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh** *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*				
2.1.	Tổng số ĐVSNCLL trên địa bàn tỉnh	Đơn vị	44		
2.2	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	1		
2.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	2		
2.4.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	7		
2.4.1.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	1		
2.4.2.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	2		
2.4.3.	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	4		
2.5.	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	34		
2.6.	Số ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần *(lũy kế đến thời điểm báo cáo)*	Đơn vị	0		

Phụ lục

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 16 tháng 3 năm 2023 của UBND thành phố)

Biểu mẫu 7

Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0			
2	Triển khai Hệ thống họp trực tuyến Liên thông 2 cấp:Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp:Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.		1	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh			
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).			
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh		100	
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.		100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử trên địa bàn (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).		100	
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND các huyện, thành phố		100	
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã		100	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống		100	
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống		100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3		100	
6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3		131	
6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3		131	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến		0	
6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4		100	
6.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4		302	
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4		302	
6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến		5	

STT	Chỉ tiêu thống kê *(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)*	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên cổng DVC quốc gia		100	
6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 trên địa bàn tỉnh		433	
6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia		433	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)		0,51	
6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)		4.526	
6.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến		23	
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến		100	
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,…)		443	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh		443	

PHỤ LỤC a

(Kèm theo Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của UBND thành phố)

STT	NỘI DUNG	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2023	Giải ngân		Đạt tỷ lệ % so với KH đầu năm 20223	Đạt tỷ lệ % so với cùng kỳ
				Giải ngân tháng 03/2023	Giải ngân từ đầu năm đến ngày 31/03/2023		
	Nguồn vốn XDCB Kế hoạch 2023		**625.641**	**42.164**	**49.185**	**7,86**	**363,53**
a	**VP Kho bạc tỉnh quản lý**		-	-	-		
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW					
b	**Kho bạc thành phố quản lý**		**625.641**	**42.164**	**49.185**	**7,86**	**363,53**
	- Nguồn XDCB tập trung (Cân đối NS)	TT	227.908	4.111	6.050	2,65	
	+ XDCB tập trung		27.908	4.111	6.050	21,68	
	+GTGC tiền thuê đất		200.000			-	
	- Nguồn thu sử dụng đất 60%	SDD	150.000	30.754	35.836	23,89	
	- Nguồn TW hỗ trợ có mục tiêu	TW					
	- Nguồn sử dụng đất 40%		198.000	5.000	5.000	2,53	
	- Nguồn XSKT	XS	49.733	2.599	2.299	4,62	

Phụ lục I

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ ĐÃ THỰC HIỆN VÀ CHƯA THỰC HIỆN GỬI BÁO CÁO TÀI SẢN

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Năm 2022				GHI CHÚ
		BC công khai	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng TSC	Báo cáo kê khai	BC kiểm kê TSCĐ và CCDC	
	ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, HỘI					
1	Văn phòng Thành uỷ	x			x	
2	Uỷ ban mật trận tổ quốc					
3	Hội Nông dân	x			x	
4	Hội liên hiệp Phụ nữ	x	x		x	
5	Thành đoàn	x	x		x	
6	Hội Cựu chiến binh					
	Số lượng đơn vị báo cáo	**4**	**2**	**0**	**4**	
	Số lượng đơn vị chưa BC	**2**	**4**	**6**	**2**	
	ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH					
1	VP HĐND&UBND	x			x	
2	Phòng Tài chính Kế hoạch	x	x	x	x	
3	Phòng Tài nguyên MT					
4	Phòng Tư pháp	x	x		x	
5	Phòng Giáo Dục và Đào tạo	x	x		x	
6	Phòng Kinh Tế	x	x	x	x	
7	Thanh tra nhà nước					
8	Phòng Văn hoá và Thông tin	x		x	x	
9	Phòng Lao động TBXH	x	x	x	x	
10	Phòng Nội vụ	x	x	x	x	
11	Phòng Quản lý đô thị	x			x	
12	Phòng Y tế	x	x		x	
	Số lượng đơn vị báo cáo	**10**	**7**	**5**	**10**	
	Số lượng đơn vị chưa BC	**2**	**5**	**7**	**2**	
	UBND XÃ, PHƯỜNG					
1	UBND Phường Dương đông	x	x	x	x	
2	UBND Phường An thới	x	x	x	x	
3	UBND xã Hàm ninh	x		x	x	
4	UBND xã Gành Dầu					
5	UBND xã Cửa Cạn	x	x	x	x	
6	UBND xã Bãi Thơm					
7	UBND xã Thổ Châu	x	x	x	x	
8	UBND xã Cửa Dương					
9	UBND xã Dương tơ					
	Số lượng đơn vị báo cáo	**5**	**4**	**5**	**5**	
	Số lượng đơn vị chưa BC	**4**	**5**	**4**	**4**	
	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC					
1	Nhà Thiếu Nhi					
2	Trung tâm Y tế					

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Năm 2022				GHI CHÚ
3	Trung tâm Văn hóa, Thê thao và Truyền thanh					
4	Ban Bồi thường HT, TĐC					
5	BQL Công trình Công cộng	x			x	
6	BQL Dự án đầu tư xây dựng					
7	Đoạn Quản lý đường bộ	x	x	x	x	
8	Đội kiểm tra trật tự đô thị					
9	Trạm phát điện xã Thổ Châu	x	x	x	x	
10	Trung tâm GDNN - GDTX	x			x	
11	Trung tâm Chính trị	x	x	x	x	
12	Mầm Non Dương Đông	x	x	x	x	
13	Mầm Non Hàm Ninh	x			x	
14	Mầm Non Hồ Thị Nghiêm	x			x	
15	Mầm Non Cửa Dương	x	x	x	x	
16	Mầm Non An Thới	x	x	x	x	
17	Mầm Non Gành Dầu	x		x	x	
18	Mầm Non Cửa Cạn	x	x	x	x	
19	Mầm Non Bãi Thơm	x	x	x	x	
20	Tiểu học Dương Đông 1	x	x	x	x	
21	Tiểu học Dương Đông 2	x	x	x	x	
22	Tiểu học Dương Đông 3	x	x	x	x	
23	Tiểu học Dương Đông 4	x	x	x	x	
24	Tiểu học Dương Tơ 1	x	x	x	x	
25	Tiểu học Dương Tơ 2	x	x		x	
26	Tiểu học Cửa Dương 1	x	x	x	x	
27	Tiểu học Cửa Dương 2	x	x	x	x	
28	Tiểu học An Thới 1	x	x	x	x	
29	Tiểu học An Thới 2	x		x	x	
30	Tiểu học An Thới 3	x	x	x	x	
31	THCS Dương Đông 1	x	x	x	x	
32	THCS Dương Đông 2	x	x	x	x	
33	THCS Dương Tơ	x	x	x	x	
34	THCS An Thới 1	x	x	x	x	
35	TH-THCS An Thới 2	x	x	x	x	
36	TH-THCS Bãi Bổn	x		x	x	
37	TH-THCS Thổ Châu	x	x	x	x	
38	TH-THCS Hàm Ninh	x	x	x	x	
39	TH-THCS Cửa Dương	x	x	x	x	
40	TH-THCS Cửa Cạn	x	x	x	x	
41	TH-THCS Gành Dầu	x	x	x	x	
42	TH-THCS Bãi Thơm	x		x	x	
43	TH&THCS Nguyễn Trung Trực	x	x	x	x	
	Số lượng đơn vị báo cáo	**37**	**29**	**32**	**37**	
	Số lượng đơn vị chưa BC	**6**	**14**	**11**	**6**	

Ghi chú: Các đơn vị đánh dấu chéo là đã thực hiện gửi báo cáo tài sản; đơn vị bỏ trống là chưa thực hiện báo cáo tài sản